<http://vhnthcm.edu.vn/tin-nguong-va-giai-ma-tin-nguong-trong-van-hoc-dan-gian-cua-nguoi-viet/>

1. Tín ngưỡng và mã tín ngưỡng

Tín ngưỡng có thể hiểu một cách nôm na là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một đối tượng siêu nhiên nào đó có ảnh hưởng, chi phối đến đời sống sinh hoạt của con người.

Như vậy, tín ngưỡng là một sản phẩm văn hoá do con người quan hệ với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mà hình thành. Tín ngưỡng là niềm tin về những điều linh thiêng, những sức mạnh huyền bí, vĩ đại mà con người chỉ cảm nhận được mà khó có thể nhận thức được.

Khái niệm tín ngưỡng và tôn giáo có nhiều chỗ gần gũi với nhau vì nó cùng có nguồn gốc từ lòng tin tuyệt đối vào một đấng cao siêu huyền bí nào đó, nhưng chúng cũng có nhiều điểm khác nhau. Tôn giáo với tư cách một giáo lí, giáo pháp chính là sự phát triển một tín ngướng, được cộng đồng thể chế, quy phạm hoá cao độ. Mỗi tôn giáo cần có: Một hệ thống giáo lí; Một vị giáo chủ đứng đầu (Chúa Trời, đức Phật Thích Ca, Lão Tử); Một hệ thống thể chế, nghi lễ thờ tự và nơi thờ tự; Một hệ thống tổ chức gồm giáo luật nghiêm chỉnh, giáo hội với các tín đồ.

Tôn giáo dân gian không hẳn là tôn giáo với những thể cách trên, nó chủ yếu mới là sự sùng tín, nó nằm trong tâm thức của con người trong sinh hoạt dân dã và được biểu hiện ra chủ yếu trong phong tục tập quán sinh hoạt chứ chưa được thể chế hóa hay trở thành giáo luật. Các nhà nghiên cứu thường gọi chung đối tượng này là tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian hoặc đôi khi cũng dùng khái niệm tôn giáo dân gian. Khái niệm tín ngưỡng vì vậy rộng rãi hơn và dân dã hơn khái niệm tôn giáo.

Tín ngưỡng dân gian Việt Nam chủ yếu dựa trên lòng biết ơn và ngưỡng mộ của các thế hệ sau đối với tiền thần, tiền nhân. Tín ngưỡng dân gian khá phong phú, nó là tâm thức tôn sùng các lực lượng siêu nhiên như:

. Tôn sùng tự nhiên (mặt trời, mặt trăng, nước, mưa, gió, sấm, chớp…), các loại cây trồng (bầu bí, lúa, ngô, đậu…), vật nuôi (trâu, bò, lợn…)

. Tôn sùng vật tổ (vật tổ chim, cá, cây, trâu…), tôn sùng tổ tiên (quốc tổ, thành hoàng, tổ tiên, ông bà)

. Tôn sùng sự sinh sản: sinh thực khí và các hoạt động tính giao

. Tôn sùng Mẫu: các nữ thần, tứ mẫu (thiên phủ, địa phủ, nhạc phủ (thượng ngàn), thủy phủ (mẫu thoải), Bà chúa xứ và Thiên Yana

. Tôn sùng các anh hùng dân tộc, anh hùng địa phương, người có công lớn với dân với nước: Thánh Gióng, Đức thánh Trần, Tản Viên Sơn Thánh, Bà Trưng, Lý Ông Trọng…

Từ tâm thức sùng bái đó, trong các cộng đồng hình thành các phong tục tập quán và nghi lễ thờ cúng tự nhiên, thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu và nghi lễ phồn thực. Đó là những nghi lễ và phong tục rất quen thuộc đối với người Việt khắp nơi trong cả nước. Mỗi loại tín ngưỡng này đều có nguồn gốc sâu xa từ quan hệ giữa con người với các đối tượng siêu nhiên kia. Chẳng hạn, tại sao con người lại sùng bái tự nhiên? Là bởi trong sinh hoạt và lao động, hằng ngày hằng giờ tự nhiên gắn bó mật thiết và chi phối sự thành bại, tốt xấu, hay dở trong hoạt động của con người. Nó nảy sinh sự sợ hãi hay e ngại, tâm lí ngưỡng mộ hay sùng bái, cũng từ đó con người nhìn nhận tự nhiên như những đấng linh thiêng, thần thánh. Con người đưa tự nhiên vào bàn thờ các gia đình hay trong miếu điện. Tự nhiên thành biểu tượng trong tín ngưỡng thờ cúng, trong văn hóa mỗi dân tộc, trong văn học và nghệ thuật nhiều thời đại. Đó cũng là con đường chung để các tín ngưỡng thẩm thấu vào văn hóa hay sinh hoạt cộng đồng nhiều dân tộc trên thế giới mà không phải chỉ ở Việt Nam.

Mỗi loại tín ngưỡng trên lại được biểu trưng qua một số mã khác nhau mà tìm hiểu tín ngướng đó thì không thể không nhìn nhận các mã của nó. Trước khi tìm mã tín ngưỡng, phải hiểu bản thân tín ngưỡng đó như một thực thể văn hóa, những biểu hiện của nó trong thực hành văn hóa truyền thống, vị trí của nó trong các hình thức văn hóa khác nhau như văn học, âm nhạc, hội họa, nghi lễ…Từ đó mới có cơ sở để đi tìm sự thể hiện nó một cách sâu sắc hơn. Đặc biệt là với những tín ngưỡng cổ, nhiều khi người ở thời đại sau chỉ có thể nắm bắt được nó thông qua các mã của nó, rồi từ đó mà hiểu được tín ngưỡng của người xưa. Chẳng hạn, tín ngưỡng phồn thực là tín ngưỡng bản địa của các nước nông nghiệp. Phồn nghĩa là cơ tốt, nhiều; Thực là sinh sôi nảy nở con cái. Tín ngưỡng phồn thực được thể hiện qua sự tôn sùng sinh sản và hoạt động tính giao. Tín ngưỡng này ra đời từ rất cổ, khi con người từ chỗ không hiểu hoặc hiểu sai về nguyên nhân sinh sản đến chỗ bắt đầu hiểu được nguồn gốc sinh sản của muôn vật và loài người là sự kết hợp đực – cái, nam – nữ, âm – dương… Sự sinh sản ấy của vạn vật khiến cuộc sống no đủ, con người dần lấp đầy mặt đất, đông đúc vui vẻ. Sự sinh sản vì vậy trở nên linh thiêng, và phát hiện ra nguyên nhân chính xác của sự sinh sản là một phát hiện mới mẻ tuyệt vời khiến con người sùng bái. Từ đó nó được thể hiện ra trong các hoạt động văn hóa theo hai phương thức: nghi lễ thờ cúng sinh thực khí nam nữ và tôn sùng hoạt động tính giao. Tín ngưỡng đó thể hiện trong Mã (tín hiệu, biểu tượng): âm - dương; trời - đất; tròn – vuông; chẵn – lẻ; quả phết – lỗ phết; bánh chưng (tét) – bánh giày; mo cau – cái dùi, cái cối – cái chày…Mã đó đi vào nghệ thuật bằng hình chạm khắc các ngẫu tượng bằng đá hay bằng gỗ; Mã có mặt trong các trò chơi dân gian như trò trám, trò rước nõ nường, đánh phết, ném còn; Mã đi vào VHDG với thần thoại về các cặp đôi nam nữ thần như Nữ Oa – Tứ Tượng, Ông Đùng – Bà Đà, Ông Đực – Mụ Cái, Ông Thu Tha – Bà Thu Thiên mà các sinh thực khí được đặc tả và phóng đại.

Tín ngưỡng tôn sùng tổ tiên được thể hiện qua phong tục thờ cúng quốc tổ (Lạc Long Quân - Âu Cơ, Hùng Vương), thành hoàng làng, tổ tiên mỗi dòng họ, ông bà trong mỗi gia đình. Ngoài các nghi lễ thờ cúng biểu hiện lòng biết ơn tôn kính tổ tiên thì một số vật cúng chính là các mã thể hiện thái độ tín ngưỡng đó. Người ta thường cúng và thả bánh trôi trong các nghi lễ và hội lễ Lạc Long Quân - Âu Cơ. Bánh trôi là một mã tín ngưỡng hồi cố sự kiện Âu Cơ sinh một bọc trăm trứng, rồi từ trứng nở thành trăm con, cũng thể hiện thái độ tôn sùng sự sinh sản và đề cao con người.

Từ tín ngưỡng (sản phẩm tinh thần của cộng đồng) đến sự thể hiện tín ngưỡng đó trong đời sống sinh hoạt VHDG có mối liên quan với nhau và được thể hiện ra ở nhiều khía cạnh mang tính quan niệm khá rõ.

**2. Quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian với VHDG**

Có thể nói, với tín ngưỡng dân gian VHDG vừa là nơi ẩn chứa, thẩm thấu các tín ngưỡng dân gian vừa thể hiện sự khác biệt đến đối lập với tín ngưỡng dân gian đó. Những niềm tin, quan niệm sẽ chết cứng nếu như nó không được thổi vào đó linh hồn, không được làm cho sống dậy, sinh động thông qua những hình tượng nghệ thuật kết tinh giữa niềm tin đó với trí tưởng tượng bay bổng không giới hạn của con người. Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt Nam có sự trọng mẫu, đề cao, suy tôn nữ tính và người mẹ. Tín ngưỡng đó bắt nguồn từ chế độ nguyên thuỷ với những thị tộc mà người đứng đầu là phụ nữ, người chia thức ăn, người sinh sản và nuôi lớn cộng đồng trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng cũng đều là nữ. Từ tín ngưỡng đó, các thần trên trời được sáng tạo dưới ánh sáng của trí tưởng tượng và niềm tin ngây thơ vào siêu nhiên bất diệt cũng phần lớn là nữ. Từ đó mà hình thành hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu, người Việt Nam gọi các nữ thần tự nhiên là Mẫu – mẹ với niềm tôn kính và tin tưởng rằng các Mẫu sẽ che chở cho những đứa con mình khỏi mọi tai hoạ do thiên nhiên gây ra. Tam toà thánh mẫu, Tứ phủ thánh linh là những tên gọi quen thuộc người Việt dùng để gọi các nữ thần tự nhiên như: Mẫu Thiên phủ (Cửu thiên huyền nữ), Mẫu Nhạc phủ (nữ thần rừng), Mẫu Thoải phủ (nữ thần nước), Mẫu Địa phủ (nữ thần đất). Rồi từ các nữ thần tự nhiên, niềm tín ngưỡng ấy lan toả đến các thần nông nghiệp như Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Nành, Mẹ lúa, Mẹ chè... với niềm tin tưởng rằng nữ tính chính là đặc tính tối ưu đối với mùa màng và sự sinh sản của cây cối, chỉ có các nữ thần cai quản cây cối mới bội thu. Rồi từ các bà mẹ nông nghiệp, niềm tin ấy lại lan toả đến các bà mẹ lịch sử, những người phụ nữ bình thường được khoác lên vai chức năng coi kho, giữ lẫm, trở thành các bà Chúa Kho, Chúa Lẫm, các bà mẹ tham gia chống ngoại xâm giữ nước bằng chức năng đầy nữ tính của mình. Hệ thống tín ngưỡng thờ nữ thần vì vậy càng ngày càng trở nên phong phú. Sở dĩ niềm tín ngưỡng trọng Mẫu có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc, là do những câu chuyện dân gian được sáng tác và truyền lưu rộng rãi, phủ lên các Mẫu vầng hào quang huyền thoại linh thiêng. Truyện kể làm xương cốt, bệ đứng, chỗ dựa cho niềm tin, còn niềm tin cùng những hành động nghi lễ hội hè tưởng niệm làm sống động, phong phú hơn nội dung truyện kể. Mối quan hệ đó giữa tín ngưỡng và truyện kể song song tồn tại, xoắn bện chặt chẽ, thẩm thấu qua nhau trong sinh hoạt cộng đồng người Việt Nam như một chỉnh thể không thể tách rời.

Tuy nhiên, giữa tín ngưỡng và VHDG cũng có những khác biệt đến đối lập. Tín ngưỡng là niềm tin tuyệt đối, không cần lí giải, không có sự lựa chọn nào khác ngoài đấng siêu nhiên huyền bí mà họ gửi gắm niềm tin. Trong đó có sự ngưỡng mộ xen cả nỗi sợ hãi, bất lực. Còn trong VHDG con người không chỉ thể hiện thái độ ngưỡng mộ đối với lực lượng và sức mạnh siêu nhiên huyền bí đó mà còn thể hiện cả khát vọng muốn vươn lên khám phá bí ẩn của siêu nhiên, tự nhiên và chinh phục thế giới đó. Con người có thể bất lực trước thế giới siêu nhiên trong thực tế, điều đó khiến họ ra sức cầu cúng, lôi kéo siêu nhiên một cách tột cùng thiết tha, nhưng họ đã chiến thắng các lực lượng và sức mạnh siêu nhiên to lớn và đầy bí ẩn đó trong mơ ước, trong khát vọng vĩ đại của mình và thể hiện điều đó trong VHDG. Từ tín ngưỡng đến sự thẩm thấu và thể hiện tín ngưỡng đó trong VHDG có một khoảng cách khá lớn, trải qua một số khúc xạ, một số lựa chọn tự nhiên trong tiếp nhận và thể hiện, vượt qua những cảm nhận cá biệt nên khó chỉ ra rằng tín ngưỡng A có sự thể hiện A trong VHDG. Vì vậy, không bao giờ tín ngưỡng được thể hiện toàn bộ hay rõ rệt trong VHDG mà chỉ một số yếu tố nổi trội, tập trung nhất của tín ngưỡng được kết tinh trong các mã văn hoá, được thẩm thấu vào VHDG mà thôi. VHDG là sự tự ý thức văn hoá, vì vậy, một nguyên lí hết sức quan trọng là, trước khi tìm mã tín ngưỡng trong VHDG phải hiểu bản thân tín ngưỡng đó như một thực thể văn hoá, những biểu hiện của nó trong thực hành văn hoá truyền thống. Từ đó mới có cơ sở để tìm sự thể hiện nó trong VHDG.

Tín ngưỡng dân gian Việt Nam chủ yếu dựa trên niềm tin, lòng biết ơn của các thế hệ sau đối với tiền thần, tiền nhân. Tín ngưỡng VN khá phong phú, đó là sự tôn sùng các lực lượng vũ trụ và tự nhiên như trời, đất, mặt trời, mặt trăng, nước, mưa, gió, sấm, chớp; Tôn sùng các loại cây trồng, vật nuôi như lúa, bò, lợn, gà...; Tôn sùng vật tổ như chim, cá, cây, trâu; Tôn sùng sự sinh sản như sinh thực khí và tính giao; Tôn sùng tổ tiên như thành hoàng, tổ tiên, ông bà; Tôn sùng các Mẫu trong tục thờ Tam Mẫu, Tứ Mẫu... Từ tín ngưỡng chuỷên di vào VHDG sẽ thành các hình tượng, các mô típ với diện mạo hình hài rõ nét và sinh động hơn. Chẳng hạn, niềm tôn sùng vũ trụ, trời đất vốn là tín ngưỡng phổ biến của các dân tộc trên thế giới. ở Việt Nam, tín ngưỡng đó thể hiện ra trong các mã (tín hiệu, biểu tượng) như: tròn – vuông; âm – dương; đi vào lễ hội bằng các trò chơi như đấu vật nhằm đánh thức đất, đánh đu cho hoà hợp âm dương, thả chim với cầu mong trời quang mây tạnh...; đi vào văn học dân gian với các câu chuyện thần thoại về Cha Trời – Mẹ Đất, về Rắn – Chim, Cá - Hươu sao, hay về các đôi nam nữ thần như Nữ Oa – Tứ Tượng, Ông Đùng – Bà Đà, Ông Đực – Mụ Cái; đi vào dân ca với những bài hát vui vẻ: “Ông trăng mà lấy mụ trời, tháng năm ăn cưới, tháng mười đưa dâu...”.

Từ tín ngưỡng (sản phẩm tinh thần của cộng đồng) đến sự thể hiện tín ngưỡng đó trong đời sống sinh hoạt VHDG có mối liên quan với nhau và được thể hiện ra ở nhiều khía cạnh mang tính quan niệm khá rõ. Với người Việt Nam, tôn sùng thần thánh là một loại tín ngưỡng. Để thể hiện tín ngưỡng này, người ta lập đền thờ cúng, tổ chức lễ hội tưởng niệm kì tích của thần linh hay phong thánh cho các nhân vật lịch sử, lưu truyền cho nhau những truyền thuyết đậm chất thiêng thể hiện lòng ngưỡng mộ của dân gian đối với các vị. Đồng thời dân gian cũng tạo nên các tục hèm, các kiêng kị gắn với truyền thuyết và thể hiện ra trong hội lễ. Người ta kiêng kị tất cả những gì liên quan đến nhân vật, hành động, hoàn cảnh mà người ta tín ngưỡng. Chẳng hạn, vì thờ Linh Lang nên người dân ở một số làng có tổ chức thờ cúng nhân vật ấy gọi khoai lang là khoai dây; Vì Hai Bà Trưng ăn bánh trôi vào ngày 6 tháng 3 trước khi Hai Bà mất, nên cả làng Hát Môn không ăn bánh trôi trước ngày 6/3; Vì mẹ Âu Cơ sinh ra bọc trứng trăm con nên trong ngày hội tưởng nhớ Cha Rồng – Mẹ Âu ở Bình Đà, Hà Tây (cũ) dân làng có tục hèm làm bánh trôi rồi bí mật mang thả một số bánh nhất định xuống giếng làng vào đêm trước hội... Vì vậy không nên hiểu hội lễ là và chỉ là để mua vui, giải trí như lâu nay một số người vẫn hiểu. Bởi tất cả những hành động hội truyền thống đều mang tính quan niệm và thể hiện niềm tín ngưỡng. Chẳng hạn, thi vật là một hình thức động thổ, đánh thức đất, thể hiện tín ngưỡng tôn sùng đất; thi nấu cơm là hành động hội thể hiện tín ngưỡng tôn sùng lúa gạo, cảm tạ trời đất đã cho “ngọc thực”... chăn cóc, đua thuyền rước nước, chọi trâu, đánh đu, kéo co, đánh phết, đá cầu, ném còn, thả chim, thả diều, đánh pháo đất,...đều là sự thể hiện sinh động những niềm tín ngưỡng cầu mưa, cầu tạnh khác nhau.

**3. Dấu ấn của tín ngưỡng dân gian trong VHDG**

Tín ngưỡng chính là cơ sở, là khí trời, hơi thở của VHDG. Phải có tín ngưỡng với những hành động lễ, hành động hội mới làm sống lại, thể hiện rõ những điều truyền tụng trong VHDG, ngược lại, VHDG chính là nơi lưu giữ lâu dài, làm cho tín ngưỡng được lí giải, tạo nên xương cốt cho tín ngưỡng.

VHDG gắn với tín ngưỡng một cách sinh động và nhiều vẻ:

. Tín ngưỡng ẩn tàng trong nhiều thể loại VHDG như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao dưới những dạng thức khác nhau. Lạc Long Quân - Âu Cơ ghi dấu của tín ngưỡng thờ đất, thờ nước, thờ mặt trời, vật tổ – tổ tiên. Truyện cổ tích Vọng phu với tín ngưỡng thờ đá; Sự tích Đầu rau với tín ngưỡng thờ lửa. Trong ca dao dân ca, hát văn gắn với tín ngưỡng hầu đồng; Hát xoan với tín ngưỡng cầu mùa; Hát then, hát xắc bùa trong những trường hợp khác nhau đều thể hiện niềm tín ngưỡng cầu may, cầu mưa thuận gió hòa, cầu thọ…).

. Tín ngưỡng thể hiện trong nghi lễ, hội lễ tưởng niệm những anh hùng truyền thuyết, làm sinh động hơn và minh chứng cho sự xác thực của truyền thuyết, nhưng nhiều khi cũng để giải thích lại những hành động nghi lễ, hội lễ không hề liên quan đến nhân vật truyền thuyết. Trong lễ hội Lý Ông Trọng, Chử Đồng Tử, Tản Viên... đều có tục đua thuyền rước nước. Người ta giải thích là để lấy nước tinh khiết nhất làm lễ mộc dục (nghi lễ tắm cho tượng thờ). Nhưng thực ra nó là hành động nằm trong tín ngưỡng sùng nước ở lớp lịch sử sớm. Lễ hội Lạc Long Quân - Âu Cơ ở Bình Đà, Hai Bà Trưng ở Hát Môn có tục ăn bánh trôi, hoặc thả bánh trôi xuống nước. Truyền thuyết giải thích rằng để nhớ lại hình ảnh mẹ Âu Cơ sinh bọc trăm trứng hoặc để nhớ Hai Bà đã ăn bánh trôi trước khi tuẫn tiết. Thực ra nó là để thể hiện tín ngưỡng sùng lúa gạo, cảm tạ lúa gạo của cư dân nông nghiệp. Đánh phết ở Hiền Quan được truyền thuyết giải thích bằng hành động vui chơi của quân sĩ dưới trướng Thiều Hoa, nhưng nó chính là hành động tôn sùng mặt trời cổ xưa được giải thích lại ở lớp lịch sử muộn hơn nhằm tôn vinh khởi nghĩa Hai Bà...õ

. Trong các thể loại VHDG, hầu như thể loại nào cũng có dấu vết của tín ngưỡng dân gian. Tục ngữ tổng kết kinh nghiệm thực hành tín ngưỡng “Cha chết gậy tre, mẹ chết gậy vông”, Ca dao ghi lịch thực hành “Dù ai buôn đâu bán đâu, mồng chín tháng tám chọi trâu thì về”, “dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba”...Vì vậy, đã có nhiều nghiên cứu theo hướng khai thác mối quan hệ này. Nếu không có tín ngưỡng tôn sùng lửa, không có hình ảnh cái bếp sơ khởi được kê bằng 3 hòn đá, và nếu xã hội Việt cổ chưa từng trải qua thời kỳ tạp hôn một vợ nhiều chồng chắc không có truyện Sự tích Đầu rau với cuộc tình éo le của ba con người trung hậu, khi chết đi được hóa thân thành bếp lửa để mang lại sự đầm ấm cho mỗi gia đình. Dân ca nghi lễ cúng ma dân tộc Mông, Truyền thuyết Thiều Hoa và lễ hội phết Hiền Quan, Truyền thuyết Hùng Vương và tín ngưỡng phồn thực ở Phú Thọ... đều nói lên một cách sinh động mối quan hệ giữa tín ngưỡng với VHDG.

Nhưng không phải tín ngưỡng nào cũng đi vào VHDG và được đồ chiếu vào VHDG như nó vốn có. Do thời gian diễn ra quá dài, lại trải qua nhiều sự kiện lịch sử và sinh hoạt quan trọng được đan xen, lồng cài vào nhau; Do các mã văn hóa chuyển di từ thế hệ trước cho thế hệ sau bị thất truyền; Do con người cố tình hiểu lại những vốn cổ để phục vụ mục đích nào đó trước mắt… kết quả là các mã tín ngưỡng đã bị khúc xạ và biến tướng đi nhiều, khiến việc giải mã nó không đơn giản. Tuy nhiên giải mã tín ngưỡng hoặc giải mã các hiện tượng văn hóa nói chung trong VHDG là một vấn đề đặc biệt thú vị và bổ ích đối với chúng ta. Tìm ra các yếu tố văn hóa dân gian ẩn chứa trong các tác phẩm và thể loại VHDG là một điều hết sức cần thiết, hơn nữa nó cũng thực sự là một hướng nghiên cứu có triển vọng và có đóng góp hữu hiệu khiến việc nghiên cứu văn hóa và VHDG ngày càng tiếp cận chân lí.

Theo PGS.TS Nguyễn Thị Bích Hà, Trường ĐHSPHN - vhttcs.org.vn